

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Danh mục ngành đúng, ngành phù hợp, ngành gần
và những môn học bổ sung kiến thức trong các kỳ tuyển sinh Nghiên cứu sinh**

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC HUẾ

Căn cứ Nghị định 30/CP ngày 04 tháng 4 năm 1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Huế;

Căn cứ Thông tư số 08/2014/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ thông tư số 08/2017/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 1389/QĐ-ĐHH ngày 10 tháng 7 năm 2014 của Giám đốc Đại học Huế ban hành Quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Đại học Huế, các trường đại học thành viên và đơn vị trực thuộc;

Căn cứ Quyết định số 1695/QĐ-ĐHH ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Giám đốc Đại học Huế về việc ban hành Quy định về đào tạo trình độ tiến sĩ tại Đại học Huế;

Xét đề nghị của Trưởng Ban Đào tạo Đại học Huế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Danh mục ngành đúng, ngành phù hợp, ngành gần và các môn học bổ sung kiến thức trong tuyển sinh Nghiên cứu sinh tại Đại học Huế.

(Danh mục bổ sung các ngành đúng, ngành phù hợp, ngành gần và các môn học bổ sung kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Quyết định này thay thế Quyết định số 1656/QĐ-ĐHH ngày 13 tháng 9 năm 2013 của Giám đốc Đại học Huế về việc ban hành danh mục ngành đúng, ngành phù hợp, ngành gần và các môn học bổ túc kiến thức trong tuyển sinh Nghiên cứu sinh tại Đại học Huế.

Điều 3. Chánh Văn phòng Đại học Huế, Trưởng các Ban: Đào tạo, Tổ chức cán bộ, Khảo thí và ĐBCLGD, Kế hoạch – Tài chính; Hiệu trưởng các Trường Đại học: Khoa học, Sư phạm, Kinh tế, Nông Lâm, Ngoại ngữ, Y Dược, Luật, Khoa trường Khoa Du lịch, Viện trưởng Viện Công nghệ sinh học chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Phó Giám đốc Huỳnh Văn Chương;
- Như Điều 3;
- Lưu VT, Ban ĐT.NĐP. *cm*



Nguyễn Quang Linh

| TT | Ngành đào tạo | Ngành đúng/phù hợp (Thạc sĩ và Đại học) | Ngành gần (Chỉ áp dụng với bằng TN Thạc sĩ) | Các môn học bổ sung | Số tín chỉ bổ sung | Ghi chú |
|----|--------------------|---|--|--|--------------------------|--|
| | | | | 5. Các phương pháp thí nghiệm xác định tính chất địa chất công trình của đất đá nguyên phôi 6. Phương pháp cải tạo thành phần, trạng thái và tính chất của đất xây dựng | 2 2 | |
| 17 | Công nghệ sinh học | * Thạc sĩ: 1. Công nghệ sinh học 2. Hóa sinh * Đại học: 1. Công nghệ sinh học | 1. Sinh học thực nghiệm 2. Di truyền học | 1. Công nghệ sinh học nâng cao 2. Công nghệ DNA tái tổ hợp 3. Công nghệ tế bào thực vật 4. Công nghệ sinh học các hợp chất thứ cấp | 2 2 2 2 | * Người dự tuyển nếu dùng bằng tốt nghiệp đại học ngành đúng thì bằng phải được xếp loại giỏi trở lên và phải học các môn bổ sung kiến thức theo quy định của cơ sở đào tạo. |

III. TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM

| | | | | | | |
|---|--------------------|--|---|---|------------------|--|
| 1 | Khoa học cây trồng | * Thạc sĩ: 1. Khoa học cây trồng 2. Nông học 3. Bảo vệ thực vật 4. Khoa học nghề vườn 5. Trồng trọt 6. Làm vườn sinh vật cảnh 7. Di truyền – chọn tạo giống 8. Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan * Đại học: 1. Khoa học cây trồng | 1. Sư phạm kỹ thuật Nông Lâm 2. Lâm học 3. Quản lý tài nguyên rừng 4. Khoa học đất 5. Sinh học thực nghiệm 6. Sinh thái học 7. Thực vật học 8. Sinh học 9. Nông hóa - Thổ nhưỡng 10. Động vật học 11. Sinh lý thực vật 12. Công nghệ sinh học 13. Lâm nghiệp 14. Khuyến nông | 1. Nguyên lý sản xuất cây công nghiệp ngắn ngày 2. Nguyên lý sản xuất cây công nghiệp dài ngày 3. Nguyên lý sản xuất cây lương thực 4. Quản lý mùa vụ tổng hợp | 2 2 2 2 | * Người dự tuyển nếu dùng bằng tốt nghiệp đại học ngành đúng thì bằng phải được xếp loại giỏi trở lên và phải học các môn bổ sung kiến thức theo quy định của cơ sở đào tạo. |
|---|--------------------|--|---|---|------------------|--|

| TT | Ngành đào tạo | Ngành đúng/phù hợp (Thạc sĩ và Đại học) | Ngành gần (Chỉ áp dụng với bằng TN Thạc sĩ) | Các môn học bổ sung | Số tín chỉ bổ sung | Ghi chú |
|----|------------------------|--|--|---|--------------------------|--|
| | | | 15. Sinh học ứng dụng 16. Phương pháp luận giảng dạy sinh học | | | |
| 2 | Bảo vệ thực vật | * Thạc sĩ: 1. Bảo vệ thực vật 2. Khoa học cây trồng 3. Nông học 4. Trồng trọt 5. Khoa học nghề vườn 6. Làm vườn và sinh vật cảnh 7. Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan 8. Di truyền chọn tạo giống * Đại học: 1. Bảo vệ thực vật | 1. Sinh học 2. Sinh học thực nghiệm 3. Công nghệ sinh học 4. Lâm nghiệp 5. Lâm sinh 6. Sư phạm kỹ thuật Nông Lâm 7. Quản lý tài nguyên và môi trường 8. Khuyến nông 9. Lâm nghiệp đô thị 10. Khoa học đất 11. Bảo quản chế biến nông sản 12. Động vật học 13. Thực vật học 14. Sinh lý thực vật 15. Quản lý môi trường 16. Sinh thái học 17. Quản lý tài nguyên rừng 18. Sinh học ứng dụng 19. Phương pháp luận giảng dạy sinh học | 1. Nấm hại thực vật 2. Tương tác giữa cây trồng và côn trùng 3. Khoa học cỏ dại 4. Quản lý dịch hại tổng hợp | 2 2 2 2 | * Người dự tuyển nếu dùng bằng tốt nghiệp đại học ngành đúng thì bằng phải được xếp loại giỏi trở lên và phải học các môn bổ sung kiến thức theo quy định của cơ sở đào tạo. |
| 3 | Chăn nuôi | * Thạc sĩ: 1. Chăn nuôi 2. Chăn nuôi - Thú y 3. Thú y | 1. Động vật học 2. Sinh học 3. Công nghệ sinh học 4. Dược thú y | 1. Thức ăn 2. Chăn nuôi bò nâng cao 3. Chăn nuôi lợn nâng cao 4. Chăn nuôi gia cầm nâng cao | 2 3 3 3 | * Người dự tuyển nếu dùng bằng tốt nghiệp đại học ngành đúng thì bằng phải được xếp loại giỏi trở lên và phải học các môn bổ sung kiến thức |

| TT | Ngành đào tạo | Ngành đúng/phù hợp (Thạc sĩ và Đại học) | Ngành gần (Chỉ áp dụng với bằng TN Thạc sĩ) | Các môn học bổ sung | Số tín chỉ bổ sung | Ghi chú |
|----|-----------------|---|--|---|----------------------------|--|
| | | 4. Hệ thống chăn nuôi nhiệt đới * Đại học: 1. Chăn nuôi | 5. Nuôi trồng thủy sản 6. Ngư y | | | theo quy định của cơ sở đào tạo. |
| 4 | Thú y | Thú y (Đại học và Thạc sĩ) | 1. Chăn nuôi 2. Động vật học | 1. Vi khuẩn học và nấm học thú y 2. Virus học thú y 3. Miễn dịch học thú y 4. Bệnh lý học thú y 5. Dịch tễ học thú y 6. Bệnh truyền nhiễm thú y | 2 2 2 2 2 2 | * Người dự tuyển nếu dùng bằng tốt nghiệp đại học ngành đúng thì bằng phải được xếp loại giỏi trở lên và phải học các môn bổ sung kiến thức theo quy định của cơ sở đào tạo. |
| 5 | Quản lý đất đai | * Thạc sĩ: 1. Quản lý đất đai 2. Địa chính 3. Công nghệ địa chính 4. Bất động sản * Đại học: 1. Quản lý đất đai | Nhóm 1: 1. Trắc địa – bản đồ 2. Địa lý 3. Kinh tế tài nguyên và môi trường Nhóm 2: 4. Khoa học đất 5. Nông hoá – thổ nhưỡng 6. Kinh tế 7. Phát triển nông thôn 8. Quản lý tài nguyên và môi trường 9. Luật | Nhóm 1: 1. Quy hoạch sử dụng đất cho phát triển 2. Hệ thống quản lý đất đai 3. Tài chính về đất đai Nhóm 2: 1. Quy hoạch sử dụng đất cho phát triển 2. Hệ thống quản lý đất đai 3. Trắc địa địa chính nâng cao | 3 2 2 3 2 3 | * Người dự tuyển nếu dùng bằng tốt nghiệp đại học ngành đúng thì bằng phải được xếp loại giỏi trở lên và phải học các môn bổ sung kiến thức theo quy định của cơ sở đào tạo. |
| 6 | Lâm sinh | * Thạc sĩ: 1. Lâm nghiệp 2. Lâm sinh 3. Lâm học | 1. Quản lý tài nguyên rừng 2. Sinh học 3. Thực vật học 4. Động vật học | 1. Sinh thái rừng 2. Trồng rừng nhiệt đới 3. Điều tra rừng 4. Sản lượng rừng | 2 2 2 2 | |

| TT | Ngành đào tạo | Ngành đúng/phù hợp (Thạc sĩ và Đại học) | Ngành gần (Chỉ áp dụng với bằng TN Thạc sĩ) | Các môn học bổ sung | Số tín chỉ bổ sung | Ghi chú |
|----|----------------------|--|---|---|--|--|
| | | * Đại học: 1. Lâm sinh | 5.Quản lý tài nguyên thiên nhiên 6.Sư phạm kỹ thuật nông lâm 7.Công nghệ sinh học 8.Quản lý môi trường 9.Quản lý đất đai, Khoa học đất 10.Phát triển nông thôn 11.Quản lý tài nguyên & môi trường 12.Kinh tế Lâm nghiệp | | | * Người dự tuyển nếu dùng bằng tốt nghiệp đại học ngành đúng thì bằng phải được xếp loại giỏi trở lên và phải học các môn bổ sung kiến thức theo quy định của cơ sở đào tạo. |
| 7 | Phát triển nông thôn | * Thạc sĩ: 1. Phát triển nông thôn 2. Quản lý đất đai 3. Quản lý dự án 4. Quản lý công 5. Quản lý tài nguyên và môi trường * Đại học: 1. Phát triển nông thôn | Nhóm kỹ thuật 1. Khoa học cây trồng 2. Lâm học 3. Chăn nuôi 4. Nuôi trồng thủy sản 5. Sinh học 6. Thủy lợi công trình 7. Bảo quản chế biến Nhóm kinh tế 1. Kinh tế nông nghiệp 2. Quản trị kinh doanh 3. Quản lý kinh tế | * Môn bắt buộc: 1. Tiếp cận phát triển nông thôn toàn diện 2. Hệ thống nông nghiệp 3. Kế hoạch và chiến lược phát triển nông thôn * Môn tự chọn (chọn 1/5 môn) 1, Phân tích sinh kế 2. Chuyên đề xây dựng nông thôn mới 3. Quản lý dự án phát triển nông thôn 4. Khuyến nông và đào tạo nông dân 5. Xã hội học nông thôn | 3 3 2 2 2 2 2 2 | * Người dự tuyển nếu dùng bằng tốt nghiệp đại học ngành đúng thì bằng phải được xếp loại giỏi trở lên và phải học các môn bổ sung kiến thức theo quy định của cơ sở đào tạo. |
| | | | | * Bắt buộc: 1. Tiếp cận phát triển nông thôn toàn diện 2. Hệ thống nông nghiệp 3. Khuyến nông và đào tạo nông dân 4. Môn tự chọn (chọn 1/5 môn) 1, Phân tích sinh kế 2. Chuyên đề xây dựng nông thôn mới 3. Quản lý dự án phát triển nông thôn 4. Kế hoạch và chiến lược PTNT 5. Xã hội học nông thôn | 3 3 2 2 2 2 2 2 | |

| TT | Ngành đào tạo | Ngành đúng/phù hợp (Thạc sĩ và Đại học) | Ngành gần (Chỉ áp dụng với bằng TN Thạc sĩ) | Các môn học bổ sung | Số tín chỉ bổ sung | Ghi chú |
|----|----------------------------|---|---|--|---------------------------------|--|
| | | | <i>Nhóm xã hội/luat</i> 1. Xã hội học 2. Luật học | * Bắt buộc: 1. Tiếp cận phát triển nông thôn toàn diện 2. Hệ thống nông nghiệp 3. Khuyến nông và đào tạo nông dân 4. Môn tự chọn (chọn 1/5 môn) 1, Phân tích sinh kế 2. Chuyên đề xây dựng nông thôn mới 3. Quản lý dự án phát triển nông thôn 4. Kế hoạch và chiến lược phát triển nông thôn 5. Chính sách nông nghiệp và phát triển nông thôn | 3 3 2 2 2 2 2 | |
| 8 | Nuôi trồng thủy sản | * Thạc sĩ: 1. Nuôi trồng thủy sản 2. Bệnh học thủy sản (Ngr y) 3. Quản lý thủy sản * Đại học: 1. Nuôi trồng thủy sản | 1. Sinh học 2. Chăn nuôi 3. Chăn nuôi thú y 4. Thú y 5. Kỹ thuật nông lâm | 1. Di truyền và chọn giống thủy sản 2. Dinh dưỡng và thức ăn trong nuôi trồng thủy sản 3. Quản lý chất lượng nước trong nuôi trồng thủy sản 4. Bệnh động vật thủy sản 5. Kỹ thuật nuôi động vật giáp xác 6. Chuyên đề nuôi cá nước ngọt 7. Kỹ thuật nuôi cá biển | 3 3 2 2 3 2 2 | * Người dự tuyển nếu dùng bằng tốt nghiệp đại học ngành đúng thì bằng phải được xếp loại giỏi trở lên và phải học các môn bổ sung kiến thức theo quy định của tại cơ sở đào tạo. |
| 9 | Công nghệ thực phẩm | * Thạc sĩ: 1. Công nghệ thực phẩm 2. Công nghệ sau thu hoạch 3. Bảo quản và chế biến nông sản 4. Công nghệ chế biến thủy sản 5. Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm 6. Kỹ thuật thực phẩm | 1. Chăn nuôi 2. Sinh học ứng dụng 3. Công nghệ sinh học 4. Hóa học 5. Khoa học thủy sản 6. Thú y 7. Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan 8. Kỹ thuật sinh học 9. Dinh dưỡng | 1. Xử lý số liệu thực nghiệm 2. Thực phẩm chức năng 3. Các kỹ thuật hiện đại trong chế biến thực phẩm 4. Các quá trình nhiệt trong công nghệ thực phẩm 6. Kỹ thuật lên men thực phẩm | 2 2 2 2 2 | * Người dự tuyển nếu dùng bằng tốt nghiệp đại học ngành đúng thì bằng phải được xếp loại giỏi trở lên và phải học các môn bổ sung kiến thức theo quy định của tại cơ sở đào tạo. |

| TT | Ngành đào tạo | Ngành đúng/phù hợp (Thạc sĩ và Đại học) | Ngành gần (Chỉ áp dụng với bằng TN Thạc sĩ) | Các môn học bổ sung | Số tín chỉ bổ sung | Ghi chú |
|----|---------------|--|--|---------------------|--------------------------|---------|
| | | * Đại học: 1. Công nghệ thực phẩm | | | | |

IV. TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC

| | | | | | | |
|---|------------|--|--|--|--|---|
| 1 | Nội khoa | <p>- Thạc sĩ:</p> <ol style="list-style-type: none"> Nội khoa Nội tim mạch, Thận, Khớp, Nội tiết Thần kinh Lão khoa Hồi sức cấp cứu và chống độc Truyền nhiễm Nội hô hấp Huyết học và truyền máu Nội tiêu hóa <p>- Đại học:</p> <ol style="list-style-type: none"> Bác sĩ y khoa | | | | <p>* Người dự tuyển nếu dùng bằng đại học thì phải tốt nghiệp các ngành: Bác sĩ Y khoa; Bác sĩ Y học dự phòng; Cử nhân Y tế công cộng loại giỏi trở lên và phải học các môn học bổ sung theo quy định của Hội đồng chuyên môn tại cơ sở đào tạo</p> |
| 2 | Ngoại khoa | <p>- Thạc sĩ:</p> <ol style="list-style-type: none"> Ngoại khoa Ngoại tiêu hóa Ngoại tiết niệu <p>- Đại học:</p> <ol style="list-style-type: none"> Bác sĩ Y khoa | | | | <p>* Người dự tuyển nếu dùng bằng đại học thì phải tốt nghiệp các ngành: Bác sĩ Y khoa; Bác sĩ Y học dự phòng; Cử nhân Y tế công cộng loại giỏi trở lên và phải học các môn học bổ sung theo quy định của Hội đồng chuyên môn tại cơ sở đào tạo</p> |

nb